

Số: 541/BC - HĐND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2015

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả khảo sát việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn Chương trình 135 giai đoạn 2012 – 2015; việc tổ chức thực hiện những kiến nghị tại kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XVI**

Thực hiện Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2014 về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2015; Kế hoạch giám sát 6 tháng cuối năm 2015 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh. Ban Dân tộc HĐND tỉnh tiến hành tổ chức giám sát, khảo sát việc thực hiện Chương trình 135 của Chính phủ giai đoạn 2012 – 2015 và việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XVI.

Ban đã tổ chức 04 cuộc giám sát, 05 đợt khảo sát ở địa bàn 09 huyện miền núi, 21 xã, thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135. Nghiên cứu báo cáo của các sở, ban ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Dân tộc tỉnh (cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh). Kết quả như sau:

### **I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CÁC XÃ, THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2012 – 2015**

#### **1. Về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Chương trình 135 giai đoạn 2012-2015**

Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2012 – 2015 có 114 xã khu vực III (tăng 21 xã so với giai đoạn II) và 197 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II trên phạm vi 11 huyện miền núi, 6 huyện đồng bằng có xã miền núi, gồm: Tĩnh Gia; Triệu Sơn; Vĩnh Lộc; Hà Trung; Thọ Xuân; Yên Định.

Sau khi có Quyết định số 551/2013/QĐ - TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn vốn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình.

UBND các huyện căn cứ vào định mức, danh mục dự án đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền, tiến hành giao vốn cho các xã chuẩn bị các thủ tục đầu tư. Thành lập Ban quản lý dự án Chương trình 135, đại diện cho chủ đầu tư thẩm định báo cáo kinh tế, kỹ thuật, dự toán, thiết kế trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc các xã thanh quyết toán kịp thời đúng quy định.

Giao cho Phòng Dân tộc huyện là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND huyện trong việc quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

Ở cấp xã thành lập Ban quản lý dự án; Ban giám sát xã; Ban giám sát cộng đồng và làm chủ đầu tư một số công trình được UBND huyện giao.

## **2. Thực hiện chủ trương đầu tư**

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh, UBND các huyện quán triệt, tuyên truyền công khai chủ trương, chính sách đến cơ sở. Việc lựa chọn danh mục dự án đầu tư được thực hiện dân chủ, bình xét từ thôn, bản, xác định rõ thứ tự ưu tiên, thông qua HĐND cấp xã, UBND xã tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND huyện phê duyệt quyết định đầu tư, đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với việc xây dựng nông thôn mới của huyện, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của người dân.

## **3. Về phân cấp làm chủ đầu tư**

Việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư đã được các huyện quan tâm thực hiện, đến nay, cơ bản các huyện đều giao cho xã làm chủ đầu tư, để giúp đỡ nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã. Những huyện đã giao toàn bộ dự án Chương trình 135 cho xã làm chủ đầu tư là: Như Thanh; Quan Hóa; Cẩm Thủy; Ngọc Lặc; Như Xuân; các huyện còn lại mới giao cho xã làm chủ đầu tư một số công trình nhỏ có nguồn vốn ít. Việc giao cho xã làm chủ đầu tư đã phát huy được tinh thần trách nhiệm, nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ xã và sự tham gia của cộng đồng, thực hiện tốt chủ trương xã có công trình, dân có việc làm, thêm thu nhập, quản lý, sử dụng các công trình có hiệu quả.

## **4. Kết quả cụ thể**

Từ năm 2012 – 2015 thực hiện việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 đã đầu tư xây dựng được 1.141 công trình. Trong đó xã khu vực III là 456 CT, kinh phí hỗ trợ 411.400 triệu đồng; thôn, bản đặc biệt khó khăn khu vực II là 685 CT, kinh phí hỗ trợ 149.000 triệu đồng; số xã được giao làm chủ đầu tư là 97/114 xã.

Đến nay, đã hoàn thành việc bàn giao đưa vào sử dụng được 898 công trình, trong đó: 594 công trình giao thông; 142 công trình thủy lợi; 83 công trình nhà văn hóa và các công trình nhà phụ trợ nhà văn hóa; 36 công trình giáo dục; 13 công trình nước sạch; 16 công trình y tế; 13 công trình điện và 01 công trình chợ. Năm 2015, tổng số công trình được đầu tư là 352, trong đó: Số công trình khởi công mới và chuyển tiếp là 275/352 công trình. Cho đến thời điểm hiện tại các công trình vẫn đang được triển khai thi công cơ bản đúng tiến độ, ước đạt 100% kế hoạch trong năm 2015.

## **5. Đánh giá kết quả đạt được**

Các công trình cơ sở hạ tầng đã được triển khai đảm bảo đúng kế hoạch, đúng địa bàn, đối tượng, cơ bản đảm bảo chất lượng, phát huy hiệu quả góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi, cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc. Trình độ dân trí và năng lực quản lý, điều hành của hệ thống chính trị các cấp, nhất là chính quyền cấp xã được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tỷ lệ thôn, bản có điện, đường, lớp học,

nhà văn hóa, y tế thôn, công trình thủy lợi tăng lên, góp phần thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn phát triển. Thay đổi tập quán sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giúp người dân vươn lên thoát nghèo bền vững.

## **6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

**a. Tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn những mặt tồn tại, hạn chế đó là:

Công tác tuyên truyền việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được quan tâm đúng mức, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn, nhiều cán bộ xã chưa nắm vững chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án để tổ chức thực hiện.

Việc phân công cơ quan thường trực theo dõi, chỉ đạo Chương trình chưa có sự thống nhất, chòng chéo, gây khó khăn trong tham mưu, phục vụ: Có huyện giao cho phòng Dân tộc, Phòng Công thương, BQL dự án của huyện;... công tác phối hợp giữa các phòng chuyên môn của UBND huyện, UBND các xã với cơ quan thường trực Chương trình thiếu đồng bộ, chưa phân rõ trách nhiệm cụ thể nên việc tổng hợp, đôn đốc, chỉ đạo có lúc, có nơi, có việc chưa được thường xuyên. Việc thực hiện nguyên tắc: Xã, thôn bản có công trình, người dân có việc làm, tăng thêm thu nhập tuy đã được thực hiện, nhưng hầu hết các nhà thầu chưa tạo điều kiện cho người dân tham gia xây dựng công trình tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

Việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư còn mang tính hình thức, có phân cấp nhưng chưa phân quyền, các dự án đầu tư thuộc CT 135 vẫn còn để cho Ban quản lý dự án của huyện làm chủ đầu tư, hoặc xã làm chủ đầu tư nhưng huyện chỉ định thầu. Đến nay, mặc dù Chương trình 135 thực hiện sang giai đoạn III nhưng vẫn còn nhiều xã chưa đủ năng lực và chưa được giao làm chủ đầu tư. Cá biệt có huyện mặc dù các ban, ngành của tỉnh đã có văn bản hướng dẫn việc duy tu bảo dưỡng công trình 135 giao cho xã làm chủ đầu tư, nhưng huyện vẫn chưa giao.

Công tác chuẩn bị đầu tư chậm, nhất là khâu lập, thẩm định hồ sơ dự án, số liệu thiếu thống nhất phải chỉnh sửa nhiều lần.

Công tác khảo sát, thiết kế và thi công còn nhiều sai sót như: Tuyến đường giao thông bản Eo Kén, xã Thành Lâm, Bá Thước không có rãnh thoát nước, khi mưa lũ đã bị sới lở nguy cơ làm hỏng công trình; kênh mương nội đồng xã Giao Thiện huyện Lang Chánh, thiết kế mặt đập tràn thấp, nên nước không lên được mương; đập bai Tuân, xã Thanh Quân, Như Xuân, thiết kế đường ống chôn dưới đất, nên cát đá trôi vào bị tắc ống, không có nước vào mương,... Mặt đường, lề đường thi công chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định (mặt đường tối thiểu 03m, lề đường tối thiểu 0,5m) như tuyến đường giao thông Tân Bình đi Tân Phúc, huyện Lang Chánh.

Công tác kiểm tra giám sát của chủ đầu tư chưa thường xuyên; công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình chậm, có công trình đầu tư năm 2012 đến tháng 10/2015 vẫn chưa được quyết toán như: Đường giao thông thôn

Khạt, thôn Bèo xã Cẩm Thành, Cẩm Thủy; kênh mương bản Lọng xã Tam Văn, Lang Chánh... Triển khai nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng Chương trình 135 chậm, nguồn vốn Chủ tịch UBND tỉnh giao từ đầu năm, nhưng có huyện tháng 10, 11 mới triển khai như ở huyện: Như Xuân; Thường Xuân; Quan Hóa...

Năng lực cán bộ ở một số xã còn hạn chế, thiếu cán bộ chuyên môn kỹ thuật, nên chủ yếu phần lớn thủ tục đầu tư, thanh quyết toán công trình do nhà thầu đảm nhận làm thay.

Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án huyện, xã chưa tạo điều kiện cho Ban giám sát cộng đồng thực hiện giám sát các dự án Chương trình, nên chất lượng một số công trình chưa đảm bảo. Vai trò của chính quyền, mặt trận, đoàn thể ở một số địa phương, cơ sở chưa được phát huy. Chế độ thông tin, báo cáo ở các huyện chưa thực hiện nghiêm, số liệu thiếu chính xác.

#### **b. Nguyên nhân:**

##### **- Nguyên nhân khách quan:**

Địa bàn thực hiện Chương trình 135 là các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, cơ sở hạ tầng thiếu, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao.

Nguồn vốn Chương trình 135 giao hàng năm chưa đủ định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gây lúng túng cho cơ sở trong việc lựa chọn công trình có quy mô phù hợp để phát huy hiệu quả đầu tư.

Số lượng công trình có quy mô lớn, nhưng suất đầu tư ít, vốn đối ứng nhiều, huy động các nguồn lực hạn chế, lồng ghép các chương trình chưa hiệu quả, nên thi công thường kéo dài, ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

##### **- Nguyên nhân chủ quan:**

Cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình, chỉ đạo thiếu tập trung quyết liệt; chưa thật sự trách nhiệm trong việc tham mưu thực hiện các chương trình, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ở các xã chưa bố trí cán bộ phụ trách công tác dân tộc hoặc bố trí nhưng thường xuyên thay đổi nên ảnh hưởng đến quá trình tham mưu thực hiện Chương trình. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân sống ở vùng đặc biệt khó khăn thấp, nên việc tham gia thực hiện Chương trình rất hạn chế.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN DÂN TỘC HĐND TẠI KỲ HỌP THỨ 10 HĐND TỈNH KHÓA XVI.**

### **1. Tình hình và kết quả thực hiện**

Sau khi có Báo cáo số 161/BC-HĐND ngày 25/6/2014 về kết quả giám sát thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn, giai đoạn 2010 – 2013 trên địa bàn 11 huyện miền núi. UBND tỉnh ban hành Công văn số 8299/UBND-NN ngày 10/9/2014 chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các giải pháp để thực hiện các kiến nghị của HĐND tỉnh hiện.

Giao cho Sở Nông nghiệp PTNT chủ trì phối với UBND các huyện miền núi, tiếp tục rà soát dự án Quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh để điều chỉnh bổ sung quy hoạch, cập nhật quy hoạch. Đôn đốc các

huyện khẩn trương nộp hồ sơ các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung còn thiếu để tham mưu cho chủ tịch UBND tỉnh phương án tổ chức, sắp xếp quản lý; phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan tổ chức, đơn vị cho phù hợp với quy định hiện hành và Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

Giao cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với UBND huyện, các chủ đầu tư quyết toán các công trình xây dựng đã hoàn thành; đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để duy tu bảo dưỡng công trình thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định xác lập sở hữu Nhà nước của các công trình theo quy định tại Thông tư 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp PTNT tham mưu giải pháp lồng ghép việc đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch nông thôn vào các chương trình dự án, để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

Chỉ đạo UBND 11 huyện miền núi, theo dõi, đôn đốc UBND các xã về công tác quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn huyện và chịu hoàn toàn trách nhiệm về công việc được giao trước UBND tỉnh. Khẩn trương nộp hồ sơ các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung còn thiếu để Sở NNPTNT; Sở Tài chính tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh giao quản lý và xác lập sở hữu Nhà nước. Tập trung chỉ đạo các xã có công trình nước sạch nông thôn tổ chức quản lý, hạch toán, khấu hao, bảo trì theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC và các văn bản pháp lý hiện hành có liên quan.

Đối với các công trình đầu tư mới phải xin ý kiến các ngành có liên quan về chủ trương, địa điểm, quy mô, nội dung đầu tư theo đúng các quy định về trình tự thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư đã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2237/2011/QĐ-UBND ngày 13/7/2011. Thực hiện quản lý chất lượng xây dựng công trình nước sạch nông thôn tập trung đúng quy định tại Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 06/02/2003 của Chính phủ. Giao chức năng tham mưu về công trình nước sạch nông thôn tập trung cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT- BNN-BNV ngày 15/5/2008. Giao Sở Nông nghiệp PTNT theo dõi, đôn đốc thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn này. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện./.

## **2. Kết quả cụ thể:**

Qua việc chỉ đạo của UBND tỉnh, đến nay các ngành các cấp đã tổ chức thực hiện các kiến nghị của UBND tỉnh, kết quả như sau:

Tổ chức thực hiện việc bàn giao các công trình nước sinh hoạt nông thôn tập trung theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính cho 09/11 huyện quản lý, với tổng số 172/275 công trình, đạt 49,9% (riêng huyện Mường Lát, Quan Hóa tại thời điểm giám sát chưa được bàn giao).

Khắc phục, sửa chữa được 09 công trình nước sinh hoạt tập trung do cấp huyện, xã làm chủ đầu tư với tổng giá trị 562,5 triệu đồng.

Ban hành Hướng dẫn quy chế mẫu cho UBND các xã, thôn bản tổ chức thực hiện. Chỉ đạo việc bàn giao các công trình nước sinh hoạt tập trung cho địa phương, cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng, khai thác đảm bảo hiệu quả, phát huy trách nhiệm cộng đồng trong việc tham gia quản lý, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng công trình tại địa bàn xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

### **3. Hạn chế, tồn tại**

Việc thực hiện các kiến nghị của Ban tuy đã được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện, nhưng kết quả còn rất hạn chế, đó là:

Công tác khảo sát, thiết kế xây dựng dự án, tuy đã được các chủ đầu tư quan tâm, nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều sai sót, dẫn đến công trình chưa phát huy được hiệu quả, nhiều công trình nước sạch tập trung do khảo sát thiết kế không phù hợp như: Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Lọng, xã Tam Văn, thiết kế qua sông không có cột đỡ, cáp neo để đường ống xuống dưới nước, mưa lũ bị cuốn trôi; không dự báo được nguồn sinh thủy, hoặc do chặt phá rừng nên nguồn nước cạn kiệt dẫn đến công trình không có nước. Công trình nước sinh hoạt tập trung ở thôn Mỹ Đàm, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, xây dựng năm 2014 có giá trị trên 1,3 tỷ đồng, thi công xong không có nước, nhân dân không được sử dụng ngày nào. Công trình thôn Thạch Minh, xã Cẩm Liên, huyện Cẩm Thủy, thiết kế bể nước không phù hợp, nước đến các bể nhiều nhưng đầu ra nhỏ nên không đủ cung cấp cho các hộ dân; công trình nước ở bản Cà 2 xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, do thiết kế các bể nước bố trí địa điểm không phù hợp, nước xuống bể thấp lại đẩy lên bể cao nên gây áp lực làm vỡ đường ống nước, gây hư hỏng công trình...

Bàn giao các công trình nước sinh hoạt tập trung theo Thông tư 54/2013 rất chậm, nhiều huyện, xã làm thất lạc hồ sơ, không có hồ sơ gốc nên công tác bàn giao chậm. Chưa quan tâm, chỉ đạo việc hướng dẫn, tập huấn để quản lý, khai thác, vận hành các công trình nước.

Bên cạnh đó, nhận thức của người dân trong việc quản lý, sử dụng kém, cho rằng đây là công trình đầu tư của Nhà nước, nên không có ý thức giữ gìn bảo quản: Bể không lau chùi quét dọn vệ sinh xung quanh, gây ô nhiễm nguồn nước. Tổ quản lý vận hành công trình nước ở thôn được giao trách nhiệm quản lý, nhưng thiếu trách nhiệm không thường xuyên kiểm tra nguồn nước, nhất là mùa mưa lũ, nước đầu nguồn chảy về thường mang theo bùn, lá cây trôi vào bể gây ô nhiễm nguồn nước, nhưng không được dọn dẹp kịp thời. Nhiều công trình do dân không được sử dụng, nên cố tình chặt, chọc hỏng đường ống dẫn nước, tháo van điều tiết... làm hư hỏng công trình nước.

Công tác quản lý Nhà nước ở cơ sở còn lỏng lẻo, việc hạch toán, theo dõi, quản lý tài sản của Nhà nước chưa được thực hiện theo quy định. Quy chế quản lý, vận hành, khai thác các công trình nước sinh hoạt tập trung mới chỉ có một số xã ban hành, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm giữa UBND xã,

lãnh đạo thôn và tổ quản lý vận hành công trình khi xảy ra hư hỏng,... Chưa thống nhất việc áp dụng thu tiền nước để nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân về quyền lợi và nghĩa vụ đóng góp và để có nguồn kinh phí chi trả cho lao động bảo vệ, vận hành công trình, khắc phục sự cố hư hỏng nhỏ, nên một số công trình hư hỏng không được khắc phục kịp thời, dẫn đến nhanh xuống cấp.

### **III. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Về việc thực hiện Chương trình 135**

##### **1.1. Đối với Chính phủ và các bộ ngành Trung ương**

Đề nghị Trung ương hỗ trợ đủ định mức đầu tư theo Quyết định 551/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị tiếp tục thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 thuộc dự án thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững.

##### **1.2. Đối với UBND tỉnh**

Tăng cường chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh, UBND các huyện thực hiện tốt chính sách đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước cho đồng bào dân tộc miền núi vùng đặc biệt khó khăn. Tổng kết đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện miền núi, giai đoạn 2012 – 2015 theo Quyết định 551/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đơn giản, để tiết kiệm chi phí do nguồn vốn ít (200 triệu đồng/thôn) và Hướng dẫn đơn giản hóa các thủ tục hồ sơ để thanh quyết toán các công trình.

##### **1.3. Đối với cấp huyện**

Phân cấp triệt để cho xã vùng 135 làm chủ đầu tư các dự án, những xã yếu về năng lực huyện cử cán bộ tăng cường giúp đỡ xã trong việc tiếp cận, làm quen với công tác quản lý, điều hành, đảm bảo sau khi kết thúc chương trình, tất cả các xã đều thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý, điều hành ở cơ sở theo đúng mục tiêu Chương trình.

Các chủ đầu tư, các Ban quản lý huyện, xã có trách nhiệm tạo điều kiện cho Ban giám sát xã; Ban giám sát cộng đồng thực hiện tốt chức năng giám sát ở cơ sở.

Rà soát dự án đầu tư, hạng mục công trình còn dở dang để bố trí vốn hoàn thành dứt điểm trong năm 2015, không được để nợ đọng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng cơ bản, vì hết năm 2015 là kết thúc giai đoạn.

#### **2. Về thực hiện các kiến nghị nước sinh hoạt nông thôn tập trung**

##### **2.1. Đối với UBND tỉnh**

Chỉ đạo các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính và các đơn vị liên quan, hướng dẫn giúp các huyện, nhất là huyện Mường Lát và Quan Hóa rà soát, thống kê, đánh giá chất lượng công trình, xác định giá trị công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn đã được đầu tư, hoàn thiện hồ sơ công trình, tham mưu trình UBND tỉnh ra quyết định bàn giao các công trình cho địa phương

quản lý, sử dụng theo Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 05 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Bố trí nguồn vốn hỗ trợ cho các huyện để duy tu, bảo dưỡng các công trình nước sinh hoạt tập trung, nhiều công trình đã xuống cấp, vì ngân sách của các huyện miền núi rất khó khăn.

## **2.2. Đối với các huyện miền núi**

Tổ chức giao công trình đến từng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

Hướng dẫn ban hành quy chế quản lý, sử dụng đối với các công trình sau đầu tư; quy định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, thời gian bảo trì, bảo dưỡng các công trình tại xã, thôn bản, để phát huy hiệu quả công trình. Chỉ đạo thực hiện thống nhất việc thu tiền nước theo Quyết định của UBND tỉnh, để phục vụ cho công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình nước sạch tập trung.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát việc thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn và việc thực hiện các kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tại kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVI, kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (để B/cáo);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu: VT, DT.

**TM. BAN DÂN TỘC  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Lê Nhân Đông**